

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHƯỚC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 112/2024/QĐST-DS

T, ngày 30 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 08 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự đã thụ lý số 110/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 08 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Á.

Địa chỉ: D đường N, phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn X, sinh năm 1990 – Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Á đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 25 tháng 4 năm 2024).

Bị đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Đ, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Bùi Thị N và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Á thống nhất tính đến ngày 22 tháng 08 năm 2024 bà Bùi Thị N còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền vay gốc là 360.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.680.658 đồng, lãi quá hạn 38.379.945 đồng, phạt chậm trả lãi 1.386.090 đồng. Tổng cộng là 410.446.693 đồng. Bà Bùi Thị N và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Á thống nhất, thỏa thuận về thời gian và phương thức trả nợ như sau:

Vào ngày 15 tháng 9 năm 2024, bà Bùi Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền vay gốc là 360.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.680.658 đồng, lãi quá hạn 38.379.945 đồng, phạt chậm trả lãi 1.386.090 đồng. Tổng cộng là 410.446.693 đồng, tính đến ngày 22 tháng 08 năm 2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22 tháng 08 năm 2024 bà **Bùi Thị N** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số BDI.CN.1458.251122 ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Khế ước nhận nợ số 385584429 ngày 17 tháng 01 năm 2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền còn nợ trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ mà các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà bà **Bùi Thị N** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** theo quyết định này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**.

Trường hợp bà **Bùi Thị N** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46, diện tích 94m² đất ở tại nông thôn tọa lạc tại **thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 257, tờ bản đồ số 46 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 329432, số vào sổ CH 03429 do **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 01 năm 2012 và **Đ**ề nghị xác nhận nhà ở ngày 10 tháng 05 năm 2021 để bảo đảm thu hồi số tiền mà bà **Bùi Thị N** còn nợ của **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**.

Trường hợp tại thời điểm kê biên, xử lý tài sản thế chấp có tài sản gắn liền phát sinh thì cũng được xử lý để **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà **Bùi Thị N** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á**.

Trường hợp bà **Bùi Thị N** thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 329432, số vào sổ CH 03429 do **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 01 năm 2012 cho bà **Bùi Thị N**.

Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm nếu có người khác đang thực tế sống cùng hoặc đang quản lý sử dụng thì những người này cũng phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản để thi hành án.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà **Bùi Thị N** tự nguyện chịu số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** đã nộp số tiền 3.000.000 đồng để tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà **Bùi Thị N** có nghĩa vụ trả lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** số tiền 3.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Bùi Thị N** là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước hoàn trả lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** số tiền 9.687.000 đồng tạm ứng án phí mà **Ngân hàng thương mại cổ phần Á** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001781 ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Văn Công Minh